



Bài 2. Viết số thích hợp vào ô trống.

a. $\frac{5}{6} = \frac{5 \times 5}{6 \times 5} = \frac{\square}{\square};$

$$\frac{\square}{\square} = \frac{\square \times 4}{\square \times 4} = \frac{32}{12};$$

$$\frac{7}{4} = \frac{7 \times \square}{4 \times 3} = \frac{\square}{\square};$$

$$\frac{35}{40} = \frac{35 : 5}{40 : 5} = \frac{\square}{\square};$$

$$\frac{42}{24} = \frac{42 : \square}{24 : \square} = \frac{7}{4};$$

$$\frac{60}{48} = \frac{60 : 12}{48 : \square} = \frac{\square}{\square};$$

b. $\frac{6}{5} = \frac{18}{\square};$

$$\frac{28}{49} = \frac{\square}{7};$$

$$\frac{64}{48} = \frac{8}{\square};$$

$$\frac{4}{3} = \frac{\square}{27};$$



Bài 3. Tính rồi so sánh kết quả của:

a. $6 : 2$ và $(6 \times 3) : (2 \times 3)$

So sánh: $6 : 2 \dots (6 \times 3) : (2 \times 3)$

b. $64 : 8$ và $(64 : 4) : (8 : 4)$

So sánh: $64 : 8 \dots (64 : 4) : (8 : 4)$

Nhận xét: Nếu nhân (hoặc chia) số bị chia và số chia với (cho) cùng một số tự nhiên khác 0 thì

Bài 4. Viết số thích hợp vào ô trống.

a. $\frac{5}{7} = \frac{10}{\square} = \frac{\square}{21} = \frac{20}{\square};$

b. $\frac{4}{6} = \frac{6}{\square} = \frac{\square}{18} = \frac{16}{\square};$

c. $\frac{60}{40} = \frac{30}{\square} = \frac{\square}{10} = \frac{12}{\square} = \frac{\square}{4};$

d. $\frac{8}{12} = \frac{6}{\square} = \frac{\square}{6} = \frac{2}{\square}.$

